

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

---

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2021

# CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

---

## MỤC LỤC

### NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRANG

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

04 - 05

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

06 - 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

08

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

09 - 10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

11 - 38



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Văn Nhất

Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 01/05/2020)

Ông Hà Chí Khoa

Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 01/03/2020 và miễn nhiệm từ ngày 01/05/2020)

Ông Phạm Văn Đông

Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 01/03/2020)

Ông Hoàng Sỹ Tâm

Phó Chủ tịch

Bà Dương Thị Thu Hòa

Thành viên

Ông Chu Văn Đệ

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Thành viên

Bà Phan Vũ Thúy Anh

Thành viên (từ tuất ngày 22/11/2020)

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Hoàng Sỹ Tâm

Tổng Giám đốc

Ông Hà Chí Khoa

Phó Tổng giám đốc

Ông Phạm Văn Đông

Phó Tổng giám đốc

Ông Chu Văn Đệ

Phó Tổng giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân,  
TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

đính kèm báo cáo tài chính tổng hợp  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**



**Vũ Văn Nhất**

**Chủ tịch HĐQT**

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021



Số: *147*-21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày *25* tháng 03 năm 2021

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông**

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

**Công ty Cổ phần X20**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tổng hợp này.



---

**Phạm Ngọc Toàn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

---

**Ngô Bá Duy**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1

202  
CÔNG  
CH NHIỆ  
TOÁN  
VIỆT  
GIẤY

Mẫu số B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>197.974.708.890</b>	<b>142.849.861.250</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>33.276.925.951</b>	<b>13.245.919.814</b>
1 Tiền	111	V.1.	33.276.925.951	13.245.919.814
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>61.356.127.098</b>	<b>55.837.298.607</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	21.893.585.517	34.405.518.205
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	36.317.433.100	6.175.687.890
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	7.572.390.822	18.539.824.905
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.427.282.341)	(3.283.732.393)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.8.	<b>98.893.270.625</b>	<b>72.269.417.217</b>
1 Hàng tồn kho	141		110.298.629.550	72.332.317.287
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(11.405.358.925)	(62.900.070)
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.448.385.216</b>	<b>1.497.225.612</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	290.037.243	192.999.952
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.158.347.973	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	-	1.304.225.660
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>233.017.815.699</b>	<b>261.709.448.321</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>10.800.000.000</b>
1 Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.	-	10.800.000.000
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>168.940.819.043</b>	<b>184.634.668.477</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.11.	165.348.919.043	181.042.768.477
- Nguyên giá	222		321.558.944.843	321.060.483.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.210.025.800)	(140.017.714.666)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	3.591.900.000	3.591.900.000
- Nguyên giá	228		9.767.833.720	9.767.833.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.175.933.720)	(6.175.933.720)
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>151.900.000</b>	-
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	151.900.000	-
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.5.	<b>63.394.835.186</b>	<b>61.374.504.173</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		61.735.835.186	61.735.835.186
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.659.000.000	1.659.000.000
3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(2.020.331.013)
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>530.261.470</b>	<b>4.900.275.671</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	530.261.470	4.900.275.671
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>430.992.524.589</b>	<b>404.559.309.571</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>176.515.045.229</b>	<b>167.893.377.030</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>175.715.045.229</b>	<b>167.093.377.030</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	38.841.240.204	65.039.366.650
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	100.522.470.897	556.287.459
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	776.268.326	1.109.605.414
4 Phải trả người lao động	314		19.101.129.377	15.914.320.480
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	10.961.582.967	6.830.772.392
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19.	153.527.331	10.183.288.856
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	2.552.737.730	19.550.477.181
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	-	46.527.403.368
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.806.088.397	1.381.855.230
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.18.	800.000.000	800.000.000
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>254.477.479.360</b>	<b>236.665.932.541</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20.</b>	<b>254.477.479.360</b>	<b>236.665.932.541</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		56.635.639.925	56.635.639.925
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.341.839.435	7.530.292.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		2.252.414.120	4.880.028.337
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		23.089.425.315	2.650.264.279
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>430.992.524.589</b>	<b>404.559.309.571</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị

*Trần Thị Thúy Hằng*

*Nguyễn Đức Tuấn*



**Trần Thị Thúy Hằng**

**Nguyễn Đức Tuấn**

**Vũ Văn Nhất**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này.)



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	643.163.239.819	794.187.807.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (10=01-02)	10		643.163.239.819	794.187.807.217
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	544.411.340.579	711.541.717.956
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20=10-11)	20		98.751.899.240	82.646.089.261
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	7.080.368.603	3.990.309.347
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	(919.415.628)	6.924.383.071
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		890.618.777	4.042.760.870
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	15.118.634.619	15.085.514.419
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	64.147.172.257	61.347.955.235
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		27.485.876.595	3.278.545.883
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	877.320.950	3.109.091.248
12. Chi phí khác	32	VI.6.	545.707.573	2.527.658.131
13. <b>Lợi nhuận khác (40= 31-32)</b>	40		331.613.377	581.433.117
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50=30+40)	50		27.817.489.972	3.859.979.000
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	4.728.064.657	1.209.714.721
16. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60=50-51-52)	60		23.089.425.315	2.650.264.279

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thúy Hằng

Nguyễn Đức Tuấn

Vũ Văn Nhất

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này.)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.817.489.972	3.859.979.000
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.314.875.026	16.191.610.561
- Các khoản dự phòng	03		10.465.677.790	5.313.975.745
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		20.519.373	(14.114.143)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.080.368.603)	(3.861.363.859)
- Chi phí lãi vay	06		890.618.777	4.042.760.870
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		50.428.812.335	25.532.848.174
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.363.322.850)	313.941.447.428
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(37.966.312.263)	180.517.006.094
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		64.854.157.772	(417.758.688.495)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.272.976.910	(4.337.071.436)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(922.461.663)	(4.042.760.870)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.719.005.245)	(4.950.669.136)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			255.018.512
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.828.808.882)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>70.756.036.114</b>	<b>89.157.130.271</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.740.358.479)	(15.688.863.389)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		254.555.455	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.800.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		444.928.698	777.357.337
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>9.759.125.674</b>	<b>(20.911.506.052)</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này.)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		50.144.039.055	208.710.382.215
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(96.671.442.423)	(281.216.413.876)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.939.645.176)	(5.141.076.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>(60.467.048.544)</b>	<b>(77.647.108.161)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>20.048.113.244</b>	<b>(9.401.483.942)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>13.245.919.814</b>	<b>22.633.289.613</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(17.107.107)	14.114.143
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>33.276.925.951</b>	<b>13.245.919.814</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Trần Thị Thúy Hằng

Nguyễn Đức Tuấn

Vũ Văn Nhất

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần, theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109339 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008. Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 13/05/2020 thay đổi về địa chỉ của người đại diện theo pháp luật thì vốn điều lệ của Công ty là **172.500.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là X20.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt và may mặc.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may; Kinh doanh nhiên liệu, hóa chất, thuốc nhuộm phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh...; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn...;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo.

**Trụ sở của Công ty:** Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp****a) Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp**

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may in	100%	100%

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Lô 1, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Lô 1, KCN Hòa Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Số 1 đường Tuệ Tĩnh, phường Hưng Dũng, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc	100%	100%

**b) Danh sách các Công ty liên kết**

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần 199 có trụ sở chính tại thôn Mậu Cừ, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất hàng may sẵn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,4%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**c) Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc**

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp Thương mại	Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
Xí nghiệp May 3	Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
Xí nghiệp Đo may quân đội	Phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội
Trường mầm non	Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp .

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty và các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh I.6) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất .

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

**2. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết*

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập dự phòng tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua -

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính tổng hợp được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính tổng hợp được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**8. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ****8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

**Loại tài sản cố định**

Nhà cửa vật kiến trúc

**Thời gian khấu hao (năm)**

07 - 25



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

**8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính và quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng phần mềm kế toán, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí mua, lắp đặt và đào tạo sử dụng phần mềm

**10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ và chi phí lắp đặt, đại tu thiết bị nhuộm..

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Chi phí lắp đặt, đại tu thiết bị nhuộm thuộc Dự án quy hoạch di dời phân xưởng nhuộm là chi phí đặt phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí lãi vay, chi phí dự án chung cư cao tầng, lương phép, tiền thuê đất và các khoản chi phí trích trước khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc đầy đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước của khách hàng kinh doanh hàng may mặc cho một hoặc nhiều kỳ kế toán. Doanh thu nhận trước được kết chuyển vào doanh thu hàng kỳ theo thực tế phát sinh.

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm may mặc, doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, tài sản, doanh thu gia công, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập hoặc lợi nhuận được chia từ việc góp vốn.

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

**18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp**

**1. Tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.385.044.968	2.122.512.135
Tiền gửi ngân hàng	31.891.880.983	11.123.407.679
VND	23.954.617.281	10.612.140.296
USD	7.937.263.702	511.267.383
<b>Cộng</b>	<b>33.276.925.951</b>	<b>13.245.919.814</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Cục Quân nhu	-	-	3.217.117.445	-
Công ty Cổ phần Cái Mép	7.111.640.226	(2.171.798.599)	7.179.227.647	(1.702.121.130)
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	3.977.240.290	-	4.483.175.460	-
CK DIAZ GENERAL MERCHANDISE	1.369.782.725	(958.847.908)	2.529.742.621	(687.121.311)
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TMC	1.063.410.900	-	1.180.800.207	-
Các đối tượng khác	8.371.511.376	(1.296.635.834)	15.815.454.825	(894.489.952)
<b>Cộng</b>	<b>21.893.585.517</b>	<b>(4.427.282.341)</b>	<b>34.405.518.205</b>	<b>(3.283.732.393)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

b) *Phải thu khách hàng là các bên liên quan:* Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	475.378.813	4.983.465.096
Công ty CP Cơ nhiệt Trường Thành	410.438.000	410.438.000
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	34.744.058.286	-
Các đối tượng khác	687.558.001	781.784.794
<b>Cộng</b>	<b>36.317.433.100</b>	<b>6.175.687.890</b>

b) *Trả trước cho người bán là các bên liên quan:* Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**4. Phải thu về cho vay**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Dài hạn</b>				
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (*)	-	-	10.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>10.800.000.000</b>	-

(\*) Khoản cho vay theo Hợp đồng cho vay số 08A/2018/X20 - X20NB, số tiền cho vay là 29 tỷ đồng, lãi suất cho vay 2,5%/năm, thời hạn vay là 3 năm kể từ ngày 01/01/2018, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản cho vay đã tất toán trong năm.

b) *Phải thu về cho vay là các bên liên quan:* Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**5. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
<b>a) Đầu tư vào công ty con</b>	<b>61.735.835.186</b>	-	<b>61.735.835.186</b>	<b>61.735.835.186</b>	<b>(2.020.331.013)</b>	<b>59.715.504.173</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa (1)	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên (2)	9.500.000.000	-	9.500.000.000	9.500.000.000	-	9.500.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (3)	38.235.835.186	-	38.235.835.186	38.235.835.186	(2.020.331.013)	36.215.504.173
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An (4)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
<b>b) Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.659.000.000</b>	-	<b>1.659.000.000</b>	<b>1.659.000.000</b>	-	<b>1.659.000.000</b>
Công ty Cổ phần 199 (5)	1.659.000.000	-	1.659.000.000	1.659.000.000	-	1.659.000.000
<b>Cộng</b>	<b>63.394.835.186</b>	-	<b>63.394.835.186</b>	<b>63.394.835.186</b>	<b>(2.020.331.013)</b>	<b>61.374.504.173</b>

(1) Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.

(2) Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.

(3) Công ty TNHH MTV X20 Nam Định hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.

(4) Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.

(5) Công ty Cổ phần 199 hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa và phân phối lợi nhuận.

Tại thời điểm 31/12/2020, tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều được xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá lại giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**6. Phải thu khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	340.000.000	-	1.052.785.443	-
Phải thu khác	7.232.390.822	-	17.487.039.462	-
Góp vốn để hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Thanh Xuân	6.566.242.158	-	6.566.242.158	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	404.606.621	-	789.606.621	-
Cho vay khó khăn	166.000.000	-	495.000.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	9.286.232.436	-
Trường mầm non (thu hộ chi hộ)	-	-	213.273.569	-
Các đối tượng khác	95.542.043	-	136.684.678	-
<b>Cộng</b>	<b>7.572.390.822</b>	<b>-</b>	<b>18.539.824.905</b>	<b>-</b>

**b) Phải thu khác của các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**7. Nợ xấu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng</b>				
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Cái Mép	7.111.640.226	4.939.841.627	7.179.227.647	5.477.106.517
CK DIAZ GENERAL MERCHANDISE	1.369.782.725	410.934.817	2.529.742.621	1.842.621.310
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	997.191.910	299.157.573	997.191.910	498.595.955
Công ty TNHH Thương mại SW	374.025.194	187.012.597	974.025.194	787.012.597
Công ty TNHH EKATI Việt Nam	405.415.223	202.707.723	405.415.223	405.415.223
Các đối tượng khác	208.881.400	-	208.881.400	-
<b>Cộng</b>	<b>10.466.936.678</b>	<b>6.039.654.337</b>	<b>12.294.483.995</b>	<b>9.010.751.602</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,

Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	58.281.551.846	(10.042.638.073)	37.027.437.408	(62.900.070)
Công cụ, dụng cụ	27.777.196	-	29.110.271	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.278.691.639	(917.231.140)	17.389.889.638	-
Thành phẩm	35.506.118.353	(375.021.086)	13.372.214.349	-
Hàng hóa	4.132.629.031	(70.468.626)	4.443.162.430	-
Hàng gửi bán	71.861.485	-	70.503.191	-
<b>Cộng</b>	<b>110.298.629.550</b>	<b>(11.405.358.925)</b>	<b>72.332.317.287</b>	<b>(62.900.070)</b>

**9. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Phần mềm kế toán	151.900.000	-
<b>Cộng</b>	<b>151.900.000</b>	<b>-</b>

**10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2020	9.504.466.000	263.367.720	9.767.833.720
Mua trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2020	9.504.466.000	263.367.720	9.767.833.720
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2020	5.912.566.000	263.367.720	6.175.933.720
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2020	5.912.566.000	263.367.720	6.175.933.720
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	3.591.900.000	-	3.591.900.000
Tại ngày 31/12/2020	3.591.900.000	-	3.591.900.000

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.175.933.720 VND (tại ngày 31/12/2019: 6.175.933.720 VND)



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư ngày 01/01/2020</b>	<b>226.693.200.819</b>	<b>67.665.160.035</b>	<b>15.544.984.709</b>	<b>4.965.779.453</b>	<b>6.191.358.127</b>	<b>321.060.483.143</b>
Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.047.950.719	-	-	-	-	2.047.950.719
Mua trong năm	178.787.273	394.287.600	-	-	-	573.074.873
Thanh lý, nhượng bán	-	(840.021.392)	(1.282.542.500)	-	-	(2.122.563.892)
<b>Số dư ngày 31/12/2020</b>	<b>228.919.938.811</b>	<b>67.219.426.243</b>	<b>14.262.442.209</b>	<b>4.965.779.453</b>	<b>6.191.358.127</b>	<b>321.558.944.843</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư ngày 01/01/2020</b>	<b>85.265.855.564</b>	<b>41.837.325.682</b>	<b>7.919.004.806</b>	<b>3.817.993.658</b>	<b>1.177.534.956</b>	<b>140.017.714.666</b>
Khấu hao trong năm	12.720.449.525	4.193.511.650	996.609.552	404.304.299	-	18.314.875.026
Thanh lý, nhượng bán	-	(840.021.392)	(1.282.542.500)	-	-	(2.122.563.892)
<b>Số dư ngày 31/12/2020</b>	<b>97.986.305.089</b>	<b>45.190.815.940</b>	<b>7.633.071.858</b>	<b>4.222.297.957</b>	<b>1.177.534.956</b>	<b>156.210.025.800</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>141.427.345.255</b>	<b>25.827.834.353</b>	<b>7.625.979.903</b>	<b>1.147.785.795</b>	<b>5.013.823.171</b>	<b>181.042.768.477</b>
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>130.933.633.722</b>	<b>22.028.610.303</b>	<b>6.629.370.351</b>	<b>743.481.496</b>	<b>5.013.823.171</b>	<b>165.348.919.043</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 67.141.690.600 VND (tại ngày 31/12/2019: 66.613.123.904 VND)

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**12. Chi phí trả trước**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>290.037.243</b>	<b>192.999.952</b>
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	290.037.243	192.999.952
<b>b) Dài hạn</b>	<b>530.261.470</b>	<b>4.900.275.671</b>
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	530.261.470	476.943.958
Chi phí lắp đặt, đại tu thiết bị nhuộm thuộc Dự án quy hoạch di dời phân xưởng nhuộm	-	4.423.331.713
<b>Cộng</b>	<b>820.298.713</b>	<b>5.093.275.623</b>

**13. Phải trả người bán**

	31/12/2020 VND		01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	-	25.368.003.663	25.368.003.663
Công ty Cổ phần 199	2.062.900.000	2.062.900.000	-	-
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	4.888.329.724	4.888.329.724	2.196.133.785	2.196.133.785
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh nguyên liệu may Việt Nam	2.176.619.775	2.176.619.775	1.814.590.140	1.814.590.140
Công ty CP Truyền thông và quảng cáo Vinahomes	1.458.719.952	1.458.719.952	-	-
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	6.861.893.282	6.861.893.282	955.762.267	955.762.267
Công ty CP Sản xuất phụ liệu may Hữu Nghị	2.969.437.200	2.969.437.200	-	-
Các đối tượng khác	18.423.340.271	18.423.340.271	34.704.876.795	34.704.876.795
<b>Cộng</b>	<b>38.841.240.204</b>	<b>38.841.240.204</b>	<b>65.039.366.650</b>	<b>65.039.366.650</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**14. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	98.066.692.737	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội	2.153.189.830	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty TNHH Tổng hợp đầu tư và Thương mại Phương Hà Anh	-	111.259.231
Shinwoo Trading Co., Ltd	223.731.763	290.100.611
Các đối tượng khác	78.856.567	154.927.617
<b>Cộng</b>	<b>100.522.470.897</b>	<b>556.287.459</b>

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2020
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	1.086.618.700	17.351.960.699	18.384.752.295	53.827.104
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.423.838.997	2.719.005.245	704.833.752
Thuế thu nhập cá nhân	22.986.714	329.937.612	335.316.856	17.607.470
Tiền thuế đất	-	500.777.088	500.777.088	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	496.881.231	496.881.231	-
<b>Cộng</b>	<b>1.109.605.414</b>	<b>21.602.618.539</b>	<b>21.935.955.627</b>	<b>776.268.326</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.304.225.660	1.304.225.660	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.304.225.660</b>	<b>1.304.225.660</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**16. Chi phí phải trả**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước tiền lương nghỉ phép	1.379.930.468	1.418.316.251
Trích trước tiền điện phải trả	116.183.238	101.177.558
Trích trước chi phí lãi vay	-	31.842.886
Trích trước tiền thuê đất	6.826.068.281	3.689.764.628
Trích trước chi phí dự án xây dựng nhà chung cư	1.366.636.362	1.543.947.776
Các khoản trích trước khác	1.272.764.618	45.723.293
<b>Cộng</b>	<b>10.961.582.967</b>	<b>6.830.772.392</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long (*)	-	-	40.484.039.055	76.246.049.023	35.762.009.968	35.762.009.968
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	-	-	9.660.000.000	20.425.393.400	10.765.393.400	10.765.393.400
<b>Cộng</b>	-	-	<b>50.144.039.055</b>	<b>96.671.442.423</b>	<b>46.527.403.368</b>	<b>46.527.403.368</b>

(\*) Hợp đồng tín dụng số 45516.18.054.5124 ngày 24/12/2018 và văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 45516.18..054.5124.TD.PL ngày 31/03/2019, hạn mức vay 150 tỷ đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 07 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay đã được tất toán trong năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**18. Phải trả khác**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.552.737.730</b>	<b>19.550.477.181</b>
Kinh phí công đoàn	830.107.708	925.705.250
Bảo hiểm xã hội	53.265.994	-
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	54.008.000	54.008.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.615.356.028	18.570.763.931
<i>Cổ tức còn phải trả</i>	<i>221.700.000</i>	<i>12.436.345.176</i>
<i>Các quỹ khác của Công ty</i>	<i>662.146.704</i>	<i>391.158.026</i>
<i>Vật tư nhập kho chưa có HĐ GTGT</i>	<i>-</i>	<i>2.646.406.188</i>
<i>Trợ cấp thôi việc</i>	<i>343.611.166</i>	<i>1.531.570.564</i>
<i>Phí bảo trì nhà chung cư</i>	<i>-</i>	<i>1.436.543.128</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác.</i>	<i>387.898.158</i>	<i>128.740.849</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	800.000.000	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.352.737.730</b>	<b>20.350.477.181</b>

**19. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước các mặt hàng may mặc	153.527.331	10.183.288.856
<b>Cộng</b>	<b>153.527.331</b>	<b>10.183.288.856</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>28.890.919.999</b>	<b>201.390.919.999</b>
Lãi trong năm trước	-	2.650.264.279	2.650.264.279
Chia cổ tức	-	(17.250.000.000)	(17.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(6.760.891.662)	(6.760.891.662)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>7.530.292.616</b>	<b>180.030.292.616</b>
Lãi trong năm nay	-	23.089.425.315	23.089.425.315
Chia cổ tức (*)	-	(1.725.000.000)	(1.725.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(3.552.878.496)	(3.552.878.496)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>25.341.839.435</b>	<b>197.841.839.435</b>

(\*) Công ty chia cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17A/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Bộ Quốc phòng	123.711.900.000	123.711.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
Vốn góp cổ đông khác	43.788.100.000	43.788.100.000
<b>Cộng</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>172.500.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>172.500.000.000</b>
Vốn góp đầu năm	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	172.500.000.000	172.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.725.000.000</b>	<b>17.250.000.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục				Đơn vị tính: VND
	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	56.635.639.925	-	-	56.635.639.925
<b>Cộng</b>	<b>56.635.639.925</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.635.639.925</b>

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2020	01/01/2020
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Dollar Mỹ (USD)	344.574,07	22.123,21

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu của hàng hóa, thành phẩm	584.491.647.891	715.270.572.239
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.671.591.928	8.526.621.699
Doanh thu cho hoạt động kinh doanh bất động sản	-	70.390.613.279
<b>Cộng</b>	<b>643.163.239.819</b>	<b>794.187.807.217</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán hàng hoá, thành phẩm	482.048.855.502	642.148.779.063
Giá vốn cung cấp dịch vụ	49.319.862.667	2.888.469.628
Giá vốn cho hoạt động kinh doanh bất động sản	-	66.504.469.265
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.342.458.855	-
Chi phí hỗ trợ lương cho X20 Nghệ An	1.700.163.555	-
<b>Cộng</b>	<b>544.411.340.579</b>	<b>711.541.717.956</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	444.928.698	538.677.337
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.635.439.905	3.322.686.522
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	36.327.502
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	92.617.986
<b>Cộng</b>	<b>7.080.368.603</b>	<b>3.990.309.347</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	890.618.777	4.042.760.870
Dự phòng/Hoàn nhập tổn thất đầu tư tài chính	(2.020.331.013)	2.020.331.013
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	189.777.235	390.783.987
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm	20.519.373	470.507.201
<b>Cộng</b>	<b>(919.415.628)</b>	<b>6.924.383.071</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền cho thuê nhà công vụ	42.858.142	161.518.180
Thu từ thanh lý tài sản cố định	164.545.455	71.363.636
Chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	-	2.758.690.142
Thu nhập từ may đo	493.198.600	-
Xử lý công nợ	76.855.573	-
Thu nhập khác	99.863.180	117.519.290
<b>Cộng</b>	<b>877.320.950</b>	<b>3.109.091.248</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản phạt, truy thu thuế	490.960.696	637.083.130
Chi phí khác	54.746.877	1.890.575.001
<b>Cộng</b>	<b>545.707.573</b>	<b>2.527.658.131</b>

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>15.118.634.619</b>	<b>15.085.514.419</b>
Chi phí nhân viên	1.458.080.414	2.014.891.627
Chi phí vật liệu, bao bì	4.629.942.623	2.964.520.695
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	66.673.950	16.175.384
Chi phí khấu hao TSCĐ	70.342.908	5.861.909
Chi phí bảo hành	650.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.198.461.381	5.764.236.020
Chi phí bằng tiền khác	4.694.483.343	4.319.828.784
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>64.147.172.257</b>	<b>61.347.955.235</b>
Chi phí nhân viên quản lý	29.796.739.769	23.251.088.603
Chi phí vật liệu quản lý	649.192.198	5.343.363.169
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.396.156.101	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.631.560.658	3.732.529.212
Thuế, phí và lệ phí	1.756.225.114	5.009.152.646
Chi phí dự phòng	1.143.549.948	3.283.732.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.325.013.268	7.030.096.730
Chi phí bằng tiền khác	17.448.735.201	13.697.992.482
<b>Cộng</b>	<b>79.265.806.876</b>	<b>76.433.469.654</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.181.368.571	97.764.761.123
Chi phí nhân công	101.559.377.996	105.359.040.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.978.140.924	16.191.610.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.683.240.761	24.729.242.148
Chi phí bằng tiền khác	23.219.197.547	26.550.306.376
<b>Cộng</b>	<b>277.621.325.799</b>	<b>270.594.960.652</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND
<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</b>	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	27.817.489.972
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	6.635.439.905
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.211.643.624
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	(753.370.407)
<i>Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế từ doanh thu hàng bán chưa thực hiện</i>	4.205.227
<i>Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế từ doanh thu hàng bán chưa thực hiện</i>	(757.575.634)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	23.640.323.284
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.728.064.657
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.728.064.657</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

**VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp**

**1. Tiền thu đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	50.144.039.055	208.710.382.215
<b>Cộng</b>	<b>50.144.039.055</b>	<b>208.710.382.215</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**2. Tiền đã thực trả nợ gốc vay trong năm**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	96.671.442.423	281.216.413.876
<b>Cộng</b>	<b>96.671.442.423</b>	<b>281.216.413.876</b>

**VII Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

***Danh sách các bên liên quan*****Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa  
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định  
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên  
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An  
Bộ Quốc phòng  
Cục Hậu Cần - Tổng Cục Hậu cần  
Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu cần  
Công ty Cổ phần 22  
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28  
Công ty Cổ phần 26  
Công ty Cổ phần 199

**Mối quan hệ**

Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Cổ đông chiếm 72% cổ phần  
Đơn vị trực thuộc của Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc của Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc của Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc của Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc của Bộ Quốc phòng  
Công ty liên kết

**\*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>	<b>299.035.433.653</b>	<b>77.230.237.456</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	25.860.033.581	3.394.121.930
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	203.740.664.440	70.360.653.085
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.192.075.560	2.048.113.350
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	45.552.831.386	-
Công ty Cổ phần 199	10.578.329.996	188.490.909

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty Cổ phần 22	374.219.999	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	10.737.278.691	1.238.858.182
<b>Bán hàng hóa, thành phẩm</b>	<b>408.292.527.072</b>	<b>213.508.955.918</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	310.504.536	72.023.582
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	942.572.325	1.863.879.028
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	608.767.904	-
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	284.659.557	-
Cục Hậu Cần - Tổng Cục Hậu cần	74.668.145	92.755.621
Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu cần	381.780.270.681	211.376.247.527
Công ty Cổ phần 22	561.181.832	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	14.426.191.004	36.526.364
Công ty Cổ phần 26	9.303.711.088	67.523.796
<b>Bán và cho thuê tài sản</b>	<b>12.211.954.644</b>	<b>4.252.462.069</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	1.602.740.631	764.162.906
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	6.203.773.532	2.481.432.603
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.017.483.120	1.006.866.560
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	2.378.366.637	-
Công ty Cổ phần 199	9.590.724	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>6.635.439.905</b>	<b>3.123.606.522</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	47.613.180	1.031.269.300
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	3.593.229.719	-
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.133.267.258	1.982.263.312
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	861.329.748	70.473.910
Công ty Cổ phần 199	-	39.600.000
<b>*) Số dư với các bên liên quan</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>4.336.058.750</b>	<b>9.565.301.389</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	126.943.880
Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu cần	-	3.217.117.445
Công ty Cổ phần 26	-	1.344.628.704
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	246.778.400	-
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	112.040.060	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	393.435.900
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	3.977.240.290	4.483.175.460
<b>Các khoản trả trước cho người bán</b>	<b>35.575.995.099</b>	<b>4.983.465.096</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	475.378.813	4.983.465.096
Công ty Cổ phần 22	356.558.000	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	34.744.058.286	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

<b>Phải thu về cho vay</b>	-	<b>10.800.000.000</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	10.800.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>404.606.621</b>	<b>789.606.621</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	404.606.621	789.606.621
<b>Phải trả người bán</b>	<b>13.828.755.200</b>	<b>29.823.607.698</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	25.368.003.663
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	4.888.329.724	2.196.133.785
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	6.861.893.282	955.762.267
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	15.632.194	1.303.707.983
Công ty Cổ phần 199	2.062.900.000	
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>98.066.692.737</b>	
Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu cần	98.066.692.737	
<b>Vay</b>	-	<b>10.765.393.400</b>
Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu cần	-	10.765.393.400

**\*) Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập và thù lao của HĐQT và BKS	1.579.882.404	1.433.828.226
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	2.036.054.538	715.141.934
<b>Cộng</b>	<b>3.615.936.942</b>	<b>2.148.970.160</b>

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm 2020 như sau:

		Năm 2020 VND
<b>Thu nhập của Ban Tổng giám đốc</b>		
<b>Họ tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>2.036.054.538</b>
1. Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc	581.729.868
2. Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc	502.403.068
3. Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc	475.960.801
4. Chu Văn Đệ	Phó Tổng giám đốc	475.960.801
<b>Thu nhập của Kế toán trưởng và các thành viên quản lý khác</b>		
<b>Họ tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>1.031.248.403</b>
1. Vũ Văn Nhất	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 01/05/2020)	502.403.068
2. Phạm Văn Đô	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 01/03/2020)	105.769.067
3. Phan Vũ Thúy Anh	Kế toán trưởng - Thành viên HĐQT (từ tuất ngày 22/11/2020)	423.076.268

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị**

Họ tên	Chức danh	88.000.000
1. Dương Thị Thu Hòa	Thành viên HĐQT	44.000.000
2. Nguyễn Thị Lan Phuong	Thành viên HĐQT	44.000.000

**Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát**

Họ tên	Chức danh	460.634.001
1. Ngô Thị Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	396.634.001
2. Nguyễn Thị Sen	Thành viên Ban Kiểm soát	32.000.000
3. Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát	32.000.000
<b>Cộng</b>		<b>3.615.936.942</b>

**3. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

**Công nợ tài chính**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản vay	-	46.527.403.368
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	33.276.925.951	13.245.919.814
Nợ thuần	(33.276.925.951)	33.281.483.554
Vốn chủ sở hữu	254.477.479.360	236.665.932.541
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	14,06%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.2.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.276.925.951	13.245.919.814
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.038.693.998	49.661.610.717

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Các khoản đầu tư tài chính	-	10.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>58.315.619.949</b>	<b>73.707.530.531</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	46.527.403.368
Phải trả người bán và phải trả khác	42.193.977.934	85.389.843.831
Chi phí phải trả	10.961.582.967	6.830.772.392
<b>Cộng</b>	<b>53.155.560.901</b>	<b>138.748.019.591</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	41.393.977.934	800.000.000	42.193.977.934
Chi phí phải trả	10.961.582.967	-	10.961.582.967
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	84.589.843.831	800.000.000	85.389.843.831
Chi phí phải trả	6.830.772.392	-	6.830.772.392
Các khoản vay	46.527.403.368	-	46.527.403.368

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.276.925.951		33.276.925.951
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.038.693.998		25.038.693.998
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.245.919.814	-	13.245.919.814
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.661.610.717	-	49.661.610.717
Các khoản đầu tư tài chính	10.800.000.000	-	10.800.000.000

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần X20 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Phụ trách kế toán






Trần Thị Thúy Hằng

Nguyễn Đức Tuấn

Vũ Văn Nhất